TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 36/2024/DS-ST
Ngày 12 - 4 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Dình

Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Tổ chức A;

Địa chỉ: đường A, Phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, Chức vụ: Giám đốc Tổ chức A – Chi nhánh T (có mặt).

Địa chỉ: đường H, Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2023 và quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2023, Tổ chức A có cho ông Nguyễn Trung T vay với số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), thời hạn vay là 10 tháng, mức lãi 0,76%/tháng, bà Đỗ Thị Thanh T là mẹ ruột của ông T ký bảo lãnh. Sau khi vay, ông T trả gốc và lãi, Th đến ngày 24 tháng 8 năm 2023 thì ông T còn nợ gốc là 16.222.519đ (mười sáu triệu hai trăm hai mươi hai nghìn năm trăm mười chín

đồng) và tiền lãi là 1.368.000đ (một triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng), từ đó đến nay ông T, bà T không trả tiền vay. Do đó, Tổ chức A yêu cầu ông Nguyễn Trung T, bà Đỗ Thị Thanh T liên đới trả cho Tổ chức A số tiền gốc 16.222.519đ (mười sáu triệu hai trăm hai mươi hai nghìn năm trăm mười chín đồng) và tiền lãi là 1.368.000đ (một triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng), tổng cộng là 17.590.519đ (mười bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn năm trăm mười chín đồng).

Ông Nguyễn Trung T là bị đơn trình bày:

Ông vay tiền của Tổ chức A và hiện nay còn nợ Tổ chức A số tiền gốc là 16.222.519đ (mười sáu triệu hai trăm hai mươi hai nghìn năm trăm mười chín đồng) và tiền lãi là 1.368.000đ (một triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng), tổng cộng nợ là 17.590.519đ (mười bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn năm trăm mười chín đồng) như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng. Ông và bà Đỗ Thị Thanh T đồng ý trả cho Tổ chức A tổng số tiền nợ là 17.590.519đ (mười bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn năm trăm mười chín đồng), trong đó số tiền gốc 16.222.519đ (mười sáu triệu hai trăm hai mươi hai nghìn năm trăm mười chín đồng) và tiền lãi là 1.368.000đ (một triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng) nhưng hiện nay kinh tế gia đình gặp nhiều rất khó khăn không có khả năng trả tiền cho Tổ chức A nên yêu cầu Tổ chức A cho ông và bà T trả dần mỗi tháng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) cho đến khi xong nợ.

Bà Đỗ Thị Thanh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà đồng ý cùng ông Nguyễn Trung T trả cho Tổ chức A tổng số tiền nợ là 17.590.519đ (mười bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn năm trăm mười chín đồng), trong đó số tiền gốc 16.222.519đ (mười sáu triệu hai trăm hai mươi hai nghìn năm trăm mười chín đồng) và tiền lãi là 1.368.000đ (một triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng) nhưng hiện nay kinh tế gia đình gặp rất nhiều khó khăn không có khả năng trả tiền cho Tổ chức A nên yêu cầu Tổ chức A cho bà và ông T trả dần mỗi tháng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) cho đến khi xong nợ.

Bà Nguyễn Thị H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn không đồng ý theo cách thức trả tiền như ông T, bà T yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Tổ chức Avà nơi cư trú của ông Nguyễn Trung T, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Lời trình bày của Tổ chức Atrong đơn khởi kiện, phù hợp với hợp đồng vay vốn ngày 20 tháng 4 năm 2023 nên có cơ sở xác định: Ông Nguyễn Trung T có vay tiền Tổ chức A nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

[3] Tổ chức A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Trung T, bà Đỗ Thị Thanh T liên đới trả số tiền còn nợ với tổng số tiền nợ là 17.590.519đ (mười bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn năm trăm mười chín đồng), trong đó số tiền gốc 16.222.519đ (mười sáu triệu hai trăm hai mươi hai nghìn năm trăm mười chín đồng) và tiền lãi là 1.368.000đ (một triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Ông Nguyễn Trung T, bà Đỗ Thị Thanh T đã thừa nhận nợ và đồng ý trả cho Tổ chức A số tiền nêu trên. Do đó, yêu cầu của Tổ chức A là có căn cứ, phù hợp với hợp đồng vay và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận về tổng số tiền yêu cầu.

Ông Nguyễn Trung T, bà Đỗ Thị Thanh T cho rằng hiện nay kinh tế gia đình gặp rất nhiều khó khăn nên ông Nguyễn Trung T, bà Đỗ Thị Thanh T yêu cầu Tổ chức A cho ông T, bà T trả dần, mỗi tháng trả 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) cho đến khi xong nợ nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận nên không có căn cứ xem xét yêu cầu của ông Nguyễn Trung T, bà Đỗ Thị Thanh T.

Tổ chức A không yêu cầu Th lãi phát sinh nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Từ các phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Buộc ông Nguyễn Trung T, bà Đỗ Thị Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho Tổ chức Avới tổng số tiền là 17.590.519đ (mười bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn năm trăm mười chín đồng), trong đó số tiền gốc 16.222.519đ (mười sáu triệu hai trăm hai mươi hai nghìn năm trăm mười chín đồng) và tiền lãi là 1.368.000đ (một triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

[5] Việc ông Nguyễn Trung T, bà Đỗ Thị Thanh T trả số tiền nêu trên cho Tổ chức Avào thời gian nào, bao nhiêu lần thì các bên có quyền thỏa thuận, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch Tổ chức A không phải chịu, Tổ chức đã nộp với số tiền là 703.620đ (đồng), được nhận lại.

Ông Nguyễn Trung T, bà Đỗ Thị Thanh T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là tổng số tiền nợ là 17.590.519đ (mười bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn năm trăm mười chín đồng) x 5% = 879.525đ (tám trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Áp dụng các Điều 288, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổ chức Avề việc buộc ông Nguyễn Trung T, bà Đỗ Thị Thanh T liên đới trả tiền vay.

Buộc ông Nguyễn Trung T, bà Đỗ Thị Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho Tổ chức A tổng số tiền là 17.590.519đ (mười bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn năm trăm mười chín đồng), trong đó số tiền gốc 16.222.519đ (mười sáu triệu hai trăm hai mươi hai nghìn năm trăm mười chín đồng) và tiền lãi là 1.368.000đ (một triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Tổ chức A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Tổ chức Ađã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 703.620đ (bảy trăm lẻ ba nghìn sáu trăm hai mươi đồng) theo biên lai số 0008637 ngày 31 tháng 01 năm 2024 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành được nhận lại.

Ông Nguyễn Trung T, bà Đỗ Thị Thanh T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 879.525đ (tám trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm, ông Nguyễn Trung T, bà Đỗ Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Diệp Song Tiền

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Long An (1b);*
- *VKSND huyện Châu Thành (2b);*
- *Chi cục THA huyện Châu Thành (1b);*
- *Các đương sự (1b);*
- *Lưu HS (1b); Lưu VT (1b)*